TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 15/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và ông Hoàng Văn Dự.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

1. Nguyễn Văn Đ; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26/5/1993 tại T, P, Thái Nguyên.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị M, sinh năm 1972; Vợ: Hà Ngọc D (đã ly hôn); Con: không có.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 03/8/2017, bị Công an huyện P, tỉnh T2 xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành gây rối trật tự công cộng. Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 36 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Đến ngày 03/3/2022 chấp hành xong trở về địa phương. Ngày 06/6/2024, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, T đến thời điểm phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích. Ngày 23/7/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang khởi tố về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2024 tại nhà tạm giữ Công an thị xã V, tính Bắc Giang về Tội trộm cắp tài sản, từ ngày 19/9/2024 bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, từ ngày 14/01/2025 đến nay bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Nguyễn Mạnh H1; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/7/2001 tại P, Thái Nguyên.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm N, xã V, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975 và bà Chu Thị V, sinh năm 1984; Vợ: Lê Thị Thùy L, sinh năm 2004; Con: có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2024 tại nhà tạm giữ Công an thị xã V, tính Bắc Giang về Tội trộm cắp tài sản, từ ngày 19/9/2024 bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, từ ngày 14/01/2025 đến nay bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

* Bị hại:

- Chị Lương Thị C, sinh năm 1981; Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

- Ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1972; Địa chỉ: xóm B - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt)

- Bà Lương Thị T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: xóm B - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị Khánh L1, sinh năm 2006; Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2024, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 2001, trú tại xóm N, xã V, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên đi lên thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sáng ngày 02/6/2024, Đ và H1 đi xe Buýt vào thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng thuê trọ tại phòng 405 khách sạn K thuộc tổ dân phố B, thị Trấn T, huyện T. Tối ngày 05/6/2024, Đ có bàn bạc với H1 với nội dung: "sáng mai đi về thì ra ngoài tìm trộm lấy một con xe đi về đem bán lấy tiền". Nghe Đ nói vậy, H1 đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 ngày 06/6/2024, Đ và H1 trả phòng tại khách sạn K rồi đi bộ theo hướng về thành phố C. Khi đến gần Trường Trung học Phổ thông T3, Đ và H1 thấy nhiều xe mô tô dựng bên phải đường. Đứng quan sát khoảng 15 phút, thấy không có ai trông coi, Đ và H1 đi đến chiếc xe HONDA Wave màu sơn đen, biển kiểm soát 11K1-16681 của chị Hoàng Thị Khánh L1, sinh năm 2006, trú tại xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đ dùng tay giật đứt sợi dây điện dưới mặt nạ xe mô tô và đấu các đầu dây điện với nhau để khởi động xe. H1 làm nhiệm vụ cảnh giới. Đấu dây xong, H1 dắt xe xuống dưới đường nổ máy và điều khiển chở Đ đi theo hướng thành phố C. Đi khoảng được 03 km, H1 dừng xe, Đồng thay H1 điều khiển xe mô tô, H1 ngồi sau. Đi đến xóm B - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Đ và H1 quan sát thấy trong sân nhà anh Trương Văn Đ1, sinh năm 1972, có một chiếc xe mô tô màu trắng, biển kiểm sóat 11AK- 013.48, để trong sân nhà, chìa khóa đang cắm ở xe. Đ nói với H1 "có con xe đang cắm chìa khóa ở ổ khóa, xuống lấy đi". Quan sát không thấy chủ nhà, Đ dừng xe lại. H1 bước vào sân nhà anh Đ1 dắt xe ra ngoài đường, điều khiển chiếc xe di theo hướng thành phố C. Sau đó, Đ và H1 mang xe

xuống Hà Nội bán cho một người đàn ông không quen biết được mỗi xe 5.000.000 đồng (02 xe là 10.000.000 đồng) lấy tiền chi tiêu cho bản thân.

Ngày 07/6/2024, chị Hoàng Thị Khánh L1 và anh Trương Văn Đ1 đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T về việc mất trộm tài sản nêu trên. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Hoàng Thị Khánh L1 và Trương Văn Đ1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen, biển kiểm soát 11K1-166.81, thời điểm định giá 06/6/2024 có giá trị 14.940.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng, biển kiêm soát 11AK-013.48, thời điểm định giá 06/6/2024 có giá trị 16.740.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 đã khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến thực hiện hành vi phạm tội của mình. Mục đích Đ và H1 thực hiện hành vi phạm tội để đem đi bán lấy tiền chi tiêu cho nhu cầu của bản thân.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản làm việc; biên bản thu thập tài liệu, dữ liệu điện tử, bản ảnh; lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 119/CT-VKSTK ngày 25 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Hai bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi mà mình thực hiện, nhận thức hành vi này là sai, vi phạm pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai: Bản thân không có công việc và thu nhập ổn định. Nên ngày 06/6/2024, bị cáo đã bàn bạc với Nguyễn Mạnh H1 để thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sài cho bản thân, nghe vậy H1 đồng ý. Quá trình điều tra bị cáo không bị thu giữ tài liệu, chứng cứ gì. Hai chiếc xe mô tô đã lấy trộm của bị hại Lương Thị C và Trương Văn Đ1 bị cáo đã bán cho một người đàn ông không quen biết, liên lạc qua mạng xã hội, địa điểm giao dịch tại Cổng trường Đại học C1. Hiện nay, chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với người đàn ông mua xe máy đã mất. Ngoài ra, bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội gì tại T, Cao Bằng.

Bị cáo Nguyễn Mạnh H1 xác nhận những lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Đ là đúng và thừa nhận do bản thân không có công việc và thu nhập ổn định nên bị cáo đã cùng Nguyễn Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Việc liên lạc với người đàn ông mua xe do Đ thực hiện, bị cáo chỉ điều khiển chiếc xe đến địa điểm bán. Người mua xe mặc áo chống nắng, che kín nên bị cáo không nhìn rõ mặt. Trong quá trình cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của bị cáo không thu giữ đồ vật, tài sản gì. Ngoài ra, bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội gì tại T, Cao Bằng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà Lương

Thị C số tiền 7.500.000 đồng và bồi thường cho gia đình bị hại ông Trương Văn Đ1 số tiền 8.400.000 đồng.

Bị hại bà Lương Thị C khai: Bà nhất trí với Thông báo về Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐ ĐGTS ngày 01/8/2024 về giá trị của chiếc xe mô tô bị trộm cắp. Ngày 13/12/2024, gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường cho tôi số tiền 7.500.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự, bà yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường thiệt hại đối với một nửa giá trị chiếc xe mô tô còn lại là: 7.440.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, do bị cáo H1 đã bồi thường thiệt hại đối với tài sản trộm cắp, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1; đối với bị cáo Đ đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà C không yêu cầu gì thêm.

Bị hại ông Trương Văn Đ1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã được lấy lời khai, trong Đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự và Đơn xin xét xử vắng mặt ông Đ1 trình bày: Ông nhất trí với Thông báo về Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐ ĐGTS ngày 01/8/2024 về giá trị của chiếc xe mô tô bị trộm cắp là 16.740.000 đồng. Ngày 13/12/2024, gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường cho tôi số tiền 8.400.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự, ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường thiệt hại đối với một nửa giá trị chiếc xe mô tô còn lại là: 8.340.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, do bị cáo H1 đã bồi thường thiệt hại đối với tài sản trộm cắp, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Đ1 không yêu cầu gì thêm.

Bị hại bà Lương Thị T1 khai: Gia đình bà bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng, biển kiêm soát 11AK-013.48, thời điểm định giá 06/6/2024, chiếc xe được mua vào tháng 12/2023 với số tiền 18.000.000 đồng. Bà nhất trí với yêu cầu của chồng bà là ông Đ1. Ngoài ra, bà T1 không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Thị Khánh L1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra đã được lấy lời khai và Đơn xin xét xử vắng mặt cháu L1 trình bày: ngày 06/6/2024, cháu bị mất 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen, biển kiểm soát 11K1-166.81, đây là chiếc xe của mẹ cháu Lương Thị C. Ngoài chiếc xe mô tô thì cháu không bị mất tài sản gì khác. Ngoài ra, cháu không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 09 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 16/7/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình với bị cáo Nguyễn Mạnh H1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H1 mức án từ 06 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 16/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị tài sản đã trộm cho các bị hại. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường xong. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Văn Đ với các bị hại, bị cáo Đ phải bồi thường cho bị hại Lương Thị C số tiền 7.440.000 đồng; bị cáo Đ phải bồi thường cho bị hại Trương Văn Đ1 và Lương Thị T1 số tiền 8.340.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm mất tài sản, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 06/6/2024, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 11K1-166.81 có giá trị 14.940.000 đồng của Chị Hoàng Thị Khánh L1 để ở cạnh đường gần cổng Trường Trung học Phổ thông T3 thuộc tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, cũng trong ngày 06/6/2024, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 tiếp tục trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng, biển kiêm soát 11AK-013.48, thời điểm định giá 06/6/2024 có giá trị 16.740.000 đồng tại xóm B - C, xã Đ, huyện T, tính C. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo trộm cắp là 31.680.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có ý thức che giấu, lén lút, lợi dụng khi chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Trong vụ án này, bị cáo Đ là người

chủ động lên kế hoạch, bàn bạc với bị cáo H1 cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là người trự tiếp liên lạc bán tài sản. Các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn nhưng xét về vai trò, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội thì bị cáo Đ có vai trò và tính nguy hiểm hơn bị cáo H1 nên khi lượng hình cũng phải chịu mức hình phạt cao hơn. Hai bị cáo thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị 31.680.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và các bị hại đã có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H1 nên bị cáo H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng khi lượng hình.

Về nhân thân:

-Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 03/8/2017, bị Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành gây rối trật tự công cộng. Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 36 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, ngoài hành vi phạm tội đang bị đưa ra xét xử thì ngày 26/7/2024, bị cáo còn bị Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; ngày 12/8/2024, bị Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 06/9/2024 bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Vì vậy, căn cứ tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân cần có mức án nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe cũng như phòng ngừa chung. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Bị cáo Nguyễn Mạnh H1 phạm tội khi chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội trong vụ án này bị cáo lại tiếp tục có hành vi phạm tội khác cụ thể: ngày 26/7/2024, bị cáo còn bị Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; ngày 12/8/2024, bị Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 06/9/2024 bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại chị Lương Thị C, sinh năm 1981; Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng với tổng số tiền là 14.940.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Do mức độ lỗi của hai bị cáo là ngang nhau, nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo

phần bằng nhau. Bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại chị Lương Thị C theo phần bằng nhau với số tiền là số tiền 7.440.000 đồng.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1972 và bà Lương Thị T1, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: xóm B - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng với tổng số tiền là 16.740.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Do mức độ lỗi của hai bị cáo là ngang nhau, nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo phần bằng nhau. Bị cáo Nguyễn Mạnh H1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 8.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại ông Trương Văn Đ1 và bà Lương Thị T1 với số tiền là số tiền 8.340.000 đồng.

[5]. Đối với người mua xe mô tô, Đ và H1 khai là bán cho một người không quen biết, hình thức liên lạc qua mạng xã hội và hẹn giao dịch tại khu vực Cổng trường đại học C1, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không có căn cứ để mở rộng vụ án nên không xử lý trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo không có công việc thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H1;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 16/7/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H1 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 16/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 587 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Lương Thị C, sinh năm 1981; Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 7.440.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1972 và bà Lương Thị T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: xóm B - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 8.340.000 đồng.

Kể từ khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, nếu người phải bồi thường chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản của ngân hàng N *quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 789.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên (Bằng TB);
- UBND xã Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên (Bằng TB);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVNVLQ;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Quốc Hùng